

Số: 51 /2023/CV-SGT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên Tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Mã chứng khoán: SGT

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12,
Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.3715 9909

Fax: 028.5437 1074

Email: info@saigontel.vn

Website: www.saigontel.vn

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Riêng đã được kiểm toán năm 2022
- Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022
- Công văn Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn www.saigontel.vn mục Quan hệ cổ đông vào ngày 28/03/2023.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- CV CBTT BCTC
- BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 đính kèm Công văn Giải trình LN sau thuế TNDN



Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền CBTT

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Cẩm Phương

Số: 50 /2023/CV-SGT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023.

 V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại BCTC
kiểm toán năm 2022.

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ vào:

- Thông tư 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
- BCTC Riêng và Hợp nhất Quý 04/2022 của Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (mã CK "SGT") đã công bố ngày 30/01/2023
- BCTC Riêng và Hợp nhất kiểm toán năm 2021 của Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (mã CK "SGT") đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin Học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC) công bố ngày 25/03/2022
- BCTC Riêng và Hợp nhất kiểm toán năm 2022 của Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (mã CK "SGT") đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin Học Moore Aisc ("MOORE AISC") công bố ngày 28/03/2023

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (mã CK "SGT") xin giải trình như sau:

1. Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo KQKD của kỳ báo cáo kiểm toán năm 2022 thay đổi từ 10% trở lên so với năm 2021

➢ **Tại BCTC Riêng lẻ**

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Báo cáo KQKD Riêng lẻ đã kiểm toán		Thay đổi	Tỷ lệ
	Năm 2022	Năm 2021		
	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	660,423,385,464	497,417,282,168	163,006,103,296	33%
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	660,423,385,464	497,417,282,168	163,006,103,296	33%
Giá vốn hàng bán	332,529,815,625	314,473,109,749	18,056,705,876	6%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	327,893,569,839	182,944,172,419	144,949,397,420	79%
Doanh thu hoạt động tài chính	26,577,355,110	12,821,394,020	13,755,961,090	107%
Chi phí tài chính	156,926,745,717	48,482,329,961	108,444,415,756	224%
Trong đó: Chi phí lãi vay	67,813,717,866	46,934,013,535	20,879,704,331	44%
Chi phí bán hàng	12,354,927,231	9,010,084,816	3,344,842,415	37%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	70,787,463,784	53,109,555,835	17,677,907,949	33%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	114,401,788,217	85,163,595,827	29,238,192,390	34%
Thu nhập khác	881,741,220	348,945,916	532,795,304	153%
Chi phí khác	6,617,438,802	2,953,253,783	3,664,185,019	124%
Lợi nhuận khác	(5,735,697,582)	(2,604,307,867)	(3,131,389,715)	120%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	108,666,090,635	82,559,287,960	26,106,802,675	32%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	29,143,097,045	15,300,327,449	13,842,769,596	90%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(765,592,089)	(765,592,089)	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	80,289,585,679	68,024,552,600	12,264,033,079	18%

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 tăng 12 tỷ đồng tương ứng tăng 18% so với năm 2021 là do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu năm 2022 tăng 33% nên Lợi nhuận gộp năm 2022 tăng 145 tỷ đồng so với năm 2021 chủ yếu từ hoạt động chuyển nhượng, cho thuê đất, cho thuê văn phòng nhà xưởng và dịch vụ tiện ích tại KCN Đại Đồng Hoàn Sơn của chi nhánh Bắc Ninh, đồng thời từ việc bàn giao căn hộ tại dự án TM7 Bắc Giang và từ hoạt động kinh doanh dịch vụ tại công ty mẹ.
- Doanh thu tài chính năm 2022 tăng 13 tỷ đồng so với năm 2021 từ lãi tiền gửi.

➤ **Tại BCTC Hợp nhất**

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Stt	CHỈ TIÊU	Báo cáo KQKD Hợp nhất đã kiểm toán		Thay đổi	Tỷ lệ
		Năm 2022	Năm 2021		
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.453.972.737.528	689.803.567.017	764.169.170.511	111%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.453.972.737.528	689.803.567.017	764.169.170.511	111%
4.	Giá vốn hàng bán	1.112.783.389.847	498.328.175.870	614.455.213.977	123%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	341.189.347.681	191.475.391.147	149.713.956.534	78%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	33.927.729.221	20.314.538.892	13.613.190.329	67%
7.	Chi phí tài chính	157.722.744.939	44.367.637.657	113.355.107.282	255%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>74.298.442.796</i>	<i>43.556.632.562</i>	<i>30.741.810.234</i>	<i>71%</i>
8.	Lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	2.079.241.126	941.919.407	1.137.321.719	121%
9.	Chi phí bán hàng	12.810.823.211	10.566.969.462	2.243.853.749	21%
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	93.184.734.074	70.438.505.901	22.746.228.173	32%
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	113.478.013.804	87.358.736.426	26.119.277.378	30%
12.	Thu nhập khác	881.893.560	427.619.083	454.274.477	106%
13.	Chi phí khác	6.709.448.427	3.041.011.837	3.668.436.590	121%
14.	Lợi nhuận khác	(5.827.554.867)	(2.613.392.754)	(3.214.162.113)	123%
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	107.650.458.937	84.745.343.672	22.905.115.265	27%
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.193.828.130	16.132.643.755	14.061.184.375	87%
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	308.720.653	(1.200.739.215)	1.509.459.868	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	77.147.910.154	69.813.439.132	7.334.471.022	11%

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 tăng 7,3 tỷ đồng tương ứng tăng 11% so với năm 2021 là do các nguyên nhân chính sau :

- Tương tự nội dung đã giải trình tại báo cáo riêng nêu trên do doanh thu năm 2022 của công ty mẹ, chi nhánh Bắc Ninh và các đơn vị tăng nên lợi nhuận gộp năm 2022 tăng 78% so với năm 2021
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2022 tăng 13 tỷ đồng tương ứng tăng 67% so với năm 2021.
- Đồng thời do lợi nhuận mang lại từ các công ty liên kết năm 2022 tăng 1.1 tỷ đồng tương ứng tăng 121% so với năm 2021

2. Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại BCTC Riêng và BCTC Hợp nhất năm 2022 trước và sau kiểm toán có biến động từ 5% trở lên

➤ **Tại BCTC Riêng**

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Báo cáo KQKD Riêng lẻ năm 2022		Thay đổi (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(3)/(2)
	Sau kiểm toán (1)	Trước kiểm toán (2)		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	660.423.385.464	660.423.385.464	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	660.423.385.464	660.423.385.464	-	-
Giá vốn hàng bán	332.529.815.625	331.931.752.797	598.062.828	0%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	327.893.569.839	328.491.632.667	(598.062.828)	0%
Doanh thu hoạt động tài chính	26.577.355.110	26.518.028.352	59.326.758	0%
Chi phí tài chính	156.926.745.717	125.708.114.414	31.218.631.303	25%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>67.813.717.866</i>	<i>66.831.088.634</i>	<i>982.629.232</i>	<i>1%</i>
Chi phí bán hàng	12.354.927.231	12.347.089.731	7.837.500	0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	70.787.463.784	73.488.396.632	(2.700.932.848)	-4%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	114.401.788.217	143.466.060.242	(29.064.272.025)	-20%
Thu nhập khác	881.741.220	881.741.220	-	-
Chi phí khác	6.617.438.802	6.617.438.802	-	-
Lợi nhuận khác	(5.735.697.582)	(5.735.697.582)	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	108.666.090.635	137.730.362.660	(29.064.272.025)	-21%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.143.097.045	30.280.129.897	(1.137.032.852)	-4%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(765.592.089)	(765.592.089)	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	80.288.585.679	108.215.824.852	(27.927.239.173)	-26%

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 sau kiểm toán giảm 26% so với trước công bố là do các nguyên nhân sau :

- Chủ yếu do bổ sung trích lập dự phòng đầu tư tài chính theo quy định nên làm tăng chi phí tài chính lên 25% so với trước kiểm toán

➤ **Tại BCTC Hợp nhất**

2150
CÔNG TY
PHẦN
CỔ PHẦN
SÀI GÒN
P.HỒ

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Stt	CHỈ TIÊU	Báo cáo KQKD Hợp nhất năm 2022		Thay đổi	Tỷ lệ
		Sau kiểm toán	Trước kiểm toán		
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.453.972.737.528	1.454.194.390.958	(221.653.430)	0%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.453.972.737.528	1.454.194.390.958	(221.653.430)	0%
4.	Giá vốn hàng bán	1.112.783.389.847	1.112.271.168.873	512.220.974	0%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	341.189.347.681	341.923.222.085	(733.874.404)	0%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	33.927.729.221	34.350.498.312	(422.769.091)	-1%
7.	Chi phí tài chính	157.722.744.939	130.769.831.627	26.952.913.312	21%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>74.298.442.796</i>	<i>73.995.488.429</i>	<i>302.954.367</i>	<i>0%</i>
8.	Lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	2.079.241.126	5.055.377.043	(2.976.135.917)	-59%
9.	Chi phí bán hàng	12.810.825.211	12.802.987.711	7.837.500	0%
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	93.184.734.074	95.894.393.497	(2.709.659.423)	-3%
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	113.478.013.804	141.861.884.605	(28.383.870.801)	-20%
12.	Thu nhập khác	881.893.560	977.195.127	(95.301.567)	-10%
13.	Chi phí khác	6.709.448.427	6.818.292.208	(108.843.781)	-2%
14.	Lợi nhuận khác	(5.827.554.867)	(5.841.097.081)	13.542.214	0%
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	107.650.458.937	136.020.787.524	(28.370.328.587)	-21%
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.193.828.130	31.221.455.581	(1.027.627.451)	-3%
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	308.720.653	(359.594.009)	668.314.662	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	77.147.910.154	105.158.925.952	(28.011.015.798)	-27%

Trương tự nội dung đã giải trình tại báo cáo riêng như đã đề cập ở mục số 2, đồng thời do lợi nhuận từ báo cáo kiểm toán năm 2022 của các đơn vị công ty liên kết giảm 59% nên đã làm cho Lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo hợp nhất năm 2022 sau kiểm toán giảm 27%

Trân trọng .

CTY CP CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN CẨM PHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

A Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung M (028) 3715 9909
P. Tân Chánh Hiệp, Q.12, TP.HCM F (028) 5437 1074

VPDD Miền Nam
12 Phạm Đình Toái,
P.6, Q.3, TP.HCM

VPDD Miền Bắc
193 Trích Sài,
P.Bưởi, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội

Chi nhánh Bắc Ninh
KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn,
Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh